1. Mục liên bản hạnh 5 tờ

2 Thích thị công định quốc ngữ tập 6 tờ

3 Công văn dịch đình bài biện

Khải năm Vĩnh Khánh thứ 3

1731

目連本行

釋氏公定国語集

公文役庭排辨

星運本行

目連本行

昔爲德孛目連 傷嬢身典西天脩行

邑解証果圓成 𠬠鉢𠬠命忍辱慈悲

清提慈課生南 罪𣋚沙獄阿鼻困世

閻王催𠯦𨖲縣 陽間善惡別咍欣詩

判官檢簿𠊛童 驅𢧚瘑匕別事𠀧奸

清提涅於𤼸端 体𢮿𪡥渴飢寒𠇍傷

殺害大畜牛羊 損他物命誹常諸僧

朱賊果報𠇍恒 𡗉作𡗉受墮蒸𣈗途

𦖑尋𧗱䣷鄷都 𠇍体慈母別朝𠂀牢

Mục-liên bản-hạnh

Tích xưa đức bụt Mục-liên 目連
Thương mẹ tìm đến Tây-thiên tu-hành 西天
Ba năm chứng quả viên thành
Một bát một mình nhẫn-nhục từ bi

Thanh-đề từ thuở sinh li 清提
Tội nặng sa ngục A-tì khốn thay (世) 阿鼻
Diêm vương đói (推) hỏi đợi (隊) ngày
Dương-gian thiện ác, biết hay ca lòng (歌)
Phán-quan kiểm bộ tiền-đồng
Mở sổ rõng-rõng biết sự ngay gian
Thanh-đề nết ở đá (𥒥) đoan
Thấy (体) người (㝵) đói khát cơ hàn chẳng thương
Sát hại lục súc ngưu dương
Tổn tha vật mệnh phỉ thường bằng tăng 誹
Cho nên quả báo chẳng (庄) hằng
Nhĩ tác nhĩ thụ, đọa chung u-đồ 尔作尔受; 幽途

Con tìm mười cửa Phong-đô (𨛦→豐门) 豐都
Chẳng thấy từ-mẫu biết hồ (胡) làm sao

⑤ Thanh-đề: mẹ Mục Kiền Liên
⑦ Đói hỏi: hỏi một cách vặn (so với đòi-co) – Đợi ngày: như ngày ⑧ Ca: trong

Trở (把) về bạch Bụt thấp cao
Còn có ngục nào vâng phép lại đi (修→趍)
Bước qua khỏi dặm Bách-kì 百岐
Coi thấy (俤覞) cửa ngục thành trì ghê thay
Tích-trượng cầm ở ca tay 錫杖
Gõ (枯→拈) vào cửa ngục mở bày xong-xong 双双
Ngưu-đầu ngục-tốt tây-đông 牛頭
Vâng phép đều cũng (共) phóng xá tội-nhân 放赦
Thấy mẹ khổ-hải trầm luân 苦海
Bằng dao cắt ruột mười phần quặn đau

Thanh-đề mới bảo trước sau 清提
« Mẹ phải cơ cầu (飢梂) nhiều nỗi (挼) gian-nguy 调→艰
« Từ ngày thác xuống Âm-ti
« Mẹ phải cầm ngục A-tì khốn nay (𡥵)
« Ơn con báo-bổ làm chay
« Phá được ngục này, mẹ mới thoát thân
« Chẳng (庄) còn bén (变) chút phàm trần
« Tổ tiên nội ngoại song-thân hoà đồ 和途
« Được ngồi Cửu-phẩm tiên-đô 九品仙都.
« Tống (迷→送) thực thiên-trù hỉ xả từ bi 天厨

19.- 把 xưa đọc Bả

22.- Tiếng thấy viết 体 (12) hoặc 俤覞 (ở đây) — 23. Tích trượng: gậy bịt thiếc của các tăng dùng đi đường — Ca: ở (x. 8) — 24. Xong xong đến hết mức — 30 Cơ cầu: ý là cơ cận (đọc cơ cần?) mà làm ra. — 36 Hoà đồ: có lẽ muốn nói: cả mọi đàng

𢭸術白字塔高
羣囚獄帀和法吏後
跳过塊溇百岐
魍倪朝獄城池皆世
錫杖扲於歆跳
拈色朝獄駠排双双
牛頭獄卒西東
明法調共放赦罪人
体嫌苦海沉淪
平刀拮腁避分郡坊
倩提買保醪[illegible]
嫌沛飢抹虎接同危
烝𦣰托竃陰司
嫌沛扲獄阿鼻囷巻
恩昆報補夛奈
破特獄尼嫌買朧身
左羣变㘨凡塵
𥙩先內外双親和逢
特𧼋九品仙都
𨔈食天厨喜捨慈悲

目連課意眾後
寻庄体媄𤾓時和盧
過參郭獄拿因
傷媄世眾寻庄体見
洞七𣴓眛𥚯攝
媄𠼦媄唉於坃傷尼
孛保目連𡁞悲
媄生閉延坽於酆都
過參郭獄皋因
𡁞高見七酆都电羞
目連𧡊体庄當
㹥拎昔文枯昂郭因
情提眾𠯪事由
𨉓吊咍典酆都維尼
目連踈噲𡁞悲
個邊寻媄𡀳尼羅撥
孛包保個舞䜹
恩撥隊保媄尼眾低
恩使包保茂之
國目連柴寻媄夫人

Mục-liên thuở ấy mới ra (𨖅) [above: *ra* 󠄀吳]
Tìm chẳng thấy (体) mẹ, ngồi thì hỏa lò (爐)
Mười tám cửa ngục lạc (樂) tù
Thương mẹ thay lại (吏) tìm chẳng thấy đâu
Dòng dòng nước mắt thâm (深槐)
« Mẹ ơi mẹ hỡi ở đâu thương này.
Bụt bảo Mục-liên rằng bay (悲)
« Mẹ ngươi bấy chầy cầm ở Phong-đô.
« Mười tám cửa ngục lạc (樂) tù
« Non cao cộn cộn ([illegible]) Phong-đô rậy ràng (曳养) »

Mục-liên coi thấy chẳng đang
Bay cầm tích (昔) trượng (丈) gõ ngang cửa tù
Thanh-đế ra (罒) hỏi sự do
« Người nào hay (咍) đến (典) Phong-đô chốn này ? »
Mục-liên thưa lời rằng bay
« Bớ (𠁀) đi tìm mẹ chốn này là nuôi (挼)
« Bụt đã bảo tớ mọi lời (𠱋)
« Ơn nuôi đời bảo mẹ này (尼) ra đây 恩 + 鬼
« Ơn [illegible] sứ vào bảo một giấy (𡲫)
« Có Mục-liên thầy tìm mẹ phu-nhân

39: Đi viết 𨖅 ở đây và 修 ở 2 (20) — 40 Hòa : cả — 41 Ngục lạc : [illegible] nhà ngục. Đây chữ lạc viết 樂, chỗ khác viết 落 — 42. Lại 吏
43. 深槐 — 45 Bay 悲 : vậy (x 53) — 48. Cộn cộn : hồ cao lắm — Rậy ràng : náo động ồn ào. — 50. Tích ~~trượng 昔越~~ trượng. viết lầm cả hai chữ 錫杖 — 51. Ra [illegible]
53. Nuôi : tiếng xưng hô người mà mình khả nể nang thân mật — 58 Nên để ý đến cách đặt chữ bị chữ [illegible] ngược, theo văn phạm Hán-ngữ

Thanh-đề mảng 嗙 tiếng than thân:
60 «Mục-liên tên ấy, phu-nhân khôn nhìn
«Dương-gian ra vóc (罢卜) con mìn
«Bên thì (時→時) chẳng phải Mục-liên đâu là (罢).»
Quỉ-sứ khi ấy lại ra (口罢)
64 «Mục-liên chẳng phải con bà thân sinh»
Mục-liên lại bảo phân-minh
Dẫn dụ sau trước chân tình cho hay
«Mẹ sinh ra vóc thật rày
68 «Xuất gia làm thầy, cải hiệu Mục-liên
«Đêm ngày thương mẹ đi tìm (逞)
«Bụt cho một trượng tích kim (鍚金) con gậy 棋? (gậy)
«Thẳng vậy tìm đến chốn này
72 «Ơn muôi ngày rày bảo mẹ ra đây» (口罢)

Quỉ-sứ vào bảo một giây
Thanh-đề mừng giữ (口者) các rày tù-nhân
«Con tôi có nghĩa thập-phân,
76 «Xin ra cho? (䊹) biết, kẻo phần đợi trông»
Thanh-đề ra cửa Đông-phương
Mục liên coi thấy cúc (匊→鞠) cung tạ từ (祠→辭)

59. Mảng: nghe — 60.[67] Ra vóc: coi ra là hình thể — Mìn: ta
70. Gậy 棋: gậy

情提咹唁嘆身
目連𠊛氏夫人坤忍
陽間羅卜旯綿
㐌時庄沛目連免𦋦
鬼使欺氏吏㗂
目建庄姉旯爰親生
目連吏保分明
引喻𢫛轄真情朱哈
媄生𦋦卜实員
岸家乡棠敢号目連
㐱時傷媄逐尋
孛朱𩵜杖錫金旯棋
体丕尋典唯尼
恩挼時禍保媄㗂低
鬼使𠓨保𢀭之
清提明㖾各屬因人
旯𥒥固姜十分
嗔㗂妹别嬌分待讐
清提㗂𨖅東豊
目連𩲡体𠦳𨉟謝祠

璀行渚昧朋渭
棚娭和哭戈於傷尼
時運果報庄私
尔作尔受埃局紹朱
閉㢟娭扡浮塗
娭喂果報部都日夜
襖安㐌体𨢇車
巴𨋣四落実陀間庵
𢚸除左固貼之
時粢果食嬚時菽婆
悉羣算𡗅㐌哏
咹掇補撫因人咹君
庄朱扡有踏喦
目連𥄮体傷世三弄
体軀果報㐌双
約㐌年堒脫忘𦛌真
目連念救香經
化鉢粋皇化形娭咹
猜提紹庄㐌哏
撝渚典咽粋局𦋦嘆

Đôi hàng nước mắt bằng mưa
80 « Mắt 𥊛 mẹ hoà khóc quá ửa thương này
« Thì-vận quả báo chẳng tây
« Nhị tác nhị thụ ai rày chịu ~~chưa~~ cho
« Bấy chầy mẹ thác phù đồ 浮塗
84 « Mẹ ôi quả báo Phong-đô nhật-dạ 日夜
« Áo ăn lam thấy xấu xa
« Ba năm tu ~~sạc~~ (落) thật đà gian nguy
« Bây giờ chẳng có của chi
88 « Khi-trai quả thục mẹ (嬪→媄) thì xá (赦) ăn »

toan: 算
Lòng còn độc 算 dở (業) làm ngần (→毒
Ăn chuối bỏ vỏ tu-nhân ăn mày.
Chẳng cho, lấy chân đạp dày (踶→踏)
92 Mục-liên coi thấy thương thay tấm (心) lòng
« Thế âu quả báo làm xong [lòng I ?]
« Ước làm sao (牟→牢) khỏi thoát vòng u-minh?
Mục-liên niệm cứu hương-kinh
96 Hoá bát cơm trắng hoá hình mẹ ăn
Thanh-đề chịu chẳng làm ngần
Và (㨢) chưa đến miệng (呧→𠱤) cơm rày ra [illegible]
(吚

Mục-kiền nước mắt hoà chan
« Mẹ ơi mẹ hỡi bàn-hoàn thương thay
« Thế-âu quả báo còn chầy
« Mẹ con nhiều nỗi đắng cay trăm đường »

Thanh-đề chịu những tư-lường
Đọa thân làm chó, chục trường(長) ba năm
Dòng dòng nước mắt chiêu đăm
Chịu làm thân chó cô cầm (与) khác loài
Nọ ngày mới được làm người
Vì chưng quả báo chẳng sai đâu là
Thục tội khốn khổ ai qua
Rày mới cốc tính sự đã biết hay
Nhờ (汝) ơn có Mục-kiền thầy
Minh tâm kiến tính thưở nầy ai qua
Dựng (tốp) làm thủy lục chay [tai] gia
Kim ngân châu báu phát ra làm ngân
Trước là báo đức từ-thân
Sau là thất tổ trầm luân hóa hồn
Cũng nhờ đại-pháp không-môn
Bao nhiêu hoạnh-mệnh 橫命 đẳng hồn thoát ra

囙𨔍猪朱和須
嫫𩯀嫫咹盘揯傷世
体軀朿報羣𨀈
嫫𣈜𧆄𣦍登茭𡗊塘
清提𡖡仍思量
喧乡身往直長巴齬
渊匕猪朱昭號
𡖡乡身往右今恪類
奴眼買特乡导
秀烝果報庄差兜界
受眾困苦娭戈
𠠩買谷性事它別咍
㐌恩固目連柴
明心見性謀君娭戈
鄧乡水陸秦家
金𠗬珠宝鼓𦉼乡㞅
𨍦𦉼報德慈親
鞻𦉼七祖𢬣論化塊
共𢼂大法空門
色𧆄横命等塊𦨭𦉼

誦經連接日夜
開方破獄恰和乡尼

轉輪法蔑喋吞
請十方佚護㐌証茲

声聞菩薩𠸍𨀈
同耶功務滿圓課尼

誦經血盆𢻠尼
中元赦罪脫局酆都

包虎地獄牢因
共特脫奇仙都清閑

目連攺務慈顏
滿圓援度親坛進脩

血盆𢆥燭九㬫
𨔍坛三匝酆都停匕

包虎因獄落刑
孛連赦罪超生乡限

靖提慈氏脫身
𡎝類禽獸古今自局

茹恩固目連柴
各匕門獄調局化仙

Tụng kinh liên tiếp nhật dài
120 Khai phương, phá ngục hiệp hòa <u>lâm nồi</u>
Chuyển luân pháp-cổ vang trời
Thỉnh thập phương phật hộ nơi chúng đàn
Thanh-văn Bồ tát hai bên
124 Đồng trợ công đức mãn, viên thuở nay (P/3)
Tụng kinh Huyết-bàn khi này P
Trung-nguyên xá tội thoát rày Phong-đô
Bao nhiêu ~~nhà~~ địa-ngục lao tù
128 Cũng được thoát cả tiên-đồ thành nhàn

Mục-liên nhờ đức từ-nhan
Mãn viên bạt độ trai-đàn tiến tu
Huyết-bồn đẳng chúc cửu ngu
132 Quang đàn tam tiếp Phong-đô rành rành
Bao nhiêu tù ngục <u>rạc</u> hình
Bụt tiền xá tội siêu-sinh <u>lâm ngần</u>
Thanh-đế từ ấy thoát thân
136 Khỏi loài cầm thú cõi trần từ rày
Nhờ (xe) ơn có Mục-liên thầy
Các các môn ngục đều rày hoá tiên

Ai ai hưởng phúc (lộc) tự nhiên
120 Thất tổ lục huyền đều được hoá sinh
Cam-lồ nước rưới tinh thanh
Lâu lâu kim tướng toạ bình liên-hoa
Thiều tiêu nhạc vỗ xướng ca
124 Bảy hàng cây báu Đa-ra nở đua
Trung nguyên phóng xá lao-tù
Mục-liên tiếp dẫn Diêm-đồ sạch không
Từ rày đắc đạo thành công
128 Muôn năm hưởng phúc quốc trung khoẻ bền
Viên dung bản phiệt vạn tuyền
Hữu tội, vô tội, thoát liền tăng tăng
Thủy thanh, nguyệt hiện trùng trùng
132 Một cơn (行→杆) gió thổi quyét chúng bụi trần
Ai ai đội đức Hoàng-ân
Thập bát địa-ngục làm ngân hỉ hoan
Ngưu đầu, mã diện thiên ban
136 Điều thì phóng xá khải hoàn thiên quân

Khuyên người thiện tín xa gần
136 Hà tu cho chín, chữ nhân chớ rời

唉七享祿自然　七祖九玄調特化生
甘露浠洒淨清　備七金相坐屏蓮花
韶簫樂撫唱歌　黜行核宝夜七安都
中元放赦牢因　目連接引閻浮逕空
自爲得道成功　同解享福国中駐駢
圓靡寶發萬全　有眾無眾脫蓮凌七
水清月現澄七　多汗饕嗤撅登倍塵
唉七隊德皇恩　十八地獄乡悢喜歡
牛頭馬面千班　調時放赦凱逕天君
勸身善信聆斯　舍脩朱紈𡨸仁渚發

善惡果報無差
行𠸜傳底千年

埃和財特仏埋特全
目連成佚𢧚仍創多

南無阿彌陀佛

天子萬々年之壽

○

○

目連本行終畢

○降魔偈

Độc dữ quả báo vô sai
140 Ai hoà giữ được ấy ~~mãy~~ mai được tuyền

Hạnh nầy truyền để thiên niên
144 Mục liên thành Phật, thành tiên chép làm

Nam-mô A-di-đà phật

Thiên địa vạn vạn niên chi thọ

Mục liên bản hạnh chung-tất

o Giảng ma kệ.

qua.3a

rạc

bàn hoàn 100
Bay : vẫy 45, 53
cốc tính 110
chiều dâm 105
ca (tay) 23, 8
cơ cầu 飢梂 30
cũng 共 26
dã 夜 (đổi thanh) 84, 99
đá-đoan [illegible]端 11
đôi (ngày) 隊 7
đòi hỏi 堆 7

chừng 132, 16

gẫy (≠ gậy) 70

hẵng 15
hoà 40, 80
hồ (biết hồ...) 18

làm nồi 100
làm ngân 89, 97, 114
làm xong 93

mảng : nghe 59
min 61

no (đủ) 107
ngồi 54, 56 (đại từ đâu bà già)

Thấy 俔
Thấm thứa 59
thầy (sư) 68

Thể ẫu 93, 101

qua ủa 80

Trở 把 19

trưng trứng 131

ra vóc 罒 l. 61, 67
rã rã 120
rạc tư 樂 41, 47
rậy ràng 48
rạc 113

vần (vận) 81
viền (cuviền) 104 (mẫn viền)
viên 110 (mẫn viên)
xá 88
xong xong 24

tư rạc 86
tư lường 105

述前賢之所造

今文後庭排難各坛

遺後學之無差

永慶三年五月穀日

釋氏攻定國語集

禪齋徵課定未、筆硯卞劄論尼理氏勅成釋典㒵乙、玄光妙掌𨉟𨉟底詩、三者同歸一言、儒共道士僧禪畀些代畀法學釋妲監𨎠、国語底和代勸、埃陀召教茹羅、攻文老歇買、

輒各來自時下並香湯沐浴時上還清辨識
幾号小生夜遞紙曰分明詳詳調沛於底隊
張詞磊衣底固方馬衣保茹齋主庄差模紙時
𠓨舍合除耗爻許添爻補包防敢森磊消耗
貧咒𨖲時持壽勾些𨖲号特福主茹特恩淀
特歲享壽長磊時減弄笹安害命或畀振度
資生𣦍娶吒媄分明詳詳媄吒羣吒在堂府
称衰子昆傷世咒羣媄麻托末吒齋主買㳥
称咒孫兒共鈌父母堆𠇍齊一丕時称咒㐌
衰𡢐補𠂫𨖲过代良人称号咒𡰊時包重女

補禰傷世、齋主称另𥊚𠠩室中沼把恩𡢻恩
𠱊親孫報道淵匕祔𡰚、㫨末吒嫫𠀧齋嚴𠅍
慈母妻又𡥵㫨生、𡢻奄𡗶差又弟兄、親兄親弟分
明庄奈、前後不一庄差先㫨庄可分咍渚𠄼、生
字不可下禹、若平死字庄特路之、頭行奏諸
疏牒開單、等諸文字內壇云匕、前餘一掌之
分、後餘兩掌餘分還世、連頭除八分𡰚下通、
蟻走覡𡥵捕鉣、𡰚𡗶員品齋僾資生隨原要
之推詳、大齋水陸冥陽、或固預奏僾詳詰当
些日𠀧卦表黃、朱書黃紙腰當饒分、寫狀白

ECOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME-ORIENT BIBLIOTHÈQUE

地天申事神族別理論朱通前賢典底湧上
庄朋付口買通事己蹎帝犖立坛齋白地天
日畀蹎天申。都會奏立鋪陳謹取正日狀申
日包事坤族別乡牢竪幡時帝意蹎正齋謹
取某日庄㫺某日崇建保嘀分明或畀水陸
資生日預奏表按行如之日白地天狀隨礼
蹎柬坛畀僂日崇理茂保歆朱通族才縮體
時弄連咍狀日用白紙己無𠄩有濫狀劇例一
封開單四道並用打當竟位並空者名神位
四向陀其至於裝奏用乡齊僂奏狀七口丕

𣎏並用白紙黒書洞匕申状𣎏固四封、開单
五道洞匕如之、公牒有四封皮、若無頭奏用
之䟽属、䟽奏曰表黄尼、善薩白紙状属朱通、
申状𣎏古四封、共白紙曰並用如之、隨京徃
生丕𣎏、䟽奏用表共𣎏買年、奏伏六位加前、
世尊善薩金蓮上座、停位灌頂去咒、添位十
位伏丕和例名、列前三宝分明、天地水表進
呈方掌、表曰朱書紙黄、菩薩白紙黄翁、並用状
申𣎏固四封、法乡白紙並用黒書奏䟽菩薩、
伏慈、称浪弟子罵兮沛在、天府時称臣僧、地

府称曰 小僧用匕水府称浪僧空、申状四道
歪共隨之、申奏進狀諸侯、日有不指歪旬留
空、內坟疏四道封、固罢副本四封方爲、功徬
疏亼吏祐、曰固元命些夕朱明、太歲年月日
行、用之一印分明朱詳、公牒八道八張、開獄
功德爲羕葬世、塡迻公摠課厄、曰罢牒亼朱
咍理茂、共固之命𨋣𩎖、用𢀭一印字頭額當、
一印大字頭行、半年一印㡂當世畀法師壹、
印計𠸗、諸弁共歪訥和𨋣𩎖、以象品字㝹匕、
孝祐朱别理 茂買年、諸開諸牒𦁉前奉伏齋、

主某先主茹、申狀奏疏斯縣、居奉斋主主
茹姓名、斋儀糝榜令𠃌大門榜𠃌分明紙黄、
和吏古榜茶湯、每榜糝行十一字尼、懸除吏
保朱眙、堆榜共曰朋尼紙黄、進後弟一等張
[illegible]十四狀方函黄𥿗、弟二等狀進連四十八道
𥿗𥿗方函尼罢、等狀弟三十四有緇無函黄
𥿗弟四等狀萬全二十四緇白𥿗用易[illegible]緇儀
隨願品斋法古八位法揀朱年十伕十位座
前弟一等伕吏琢文位普廣菩薩用之屬弟二
狀函有黄𥿗隨願水陸寘陽二斋故此保許朱眙、

賫度䖏店𡗉眝、罒申𩛂状曰尼𩛂函、罒牒𩛂開
𩛂单、五位使者五函屬之公牒四道封皮、天下
當界屬之城隍、閻獄浂焦二張、共羅四道𣎃羗
朱咍、開单吏屬朋尼、𩛂翁𩛂道曰刷朱奴、進後
第一等區方函十四状、塗黃𧵑第二等状進連、
七道函口黃𧵑並用、第三四道状封無函有𥱬
𧵑黃如之、第四六道封皮、皮時台紙丕時白𧵑、
内垓南牒萬全、功德開關方圓内垓、曰圕南牒
朱安化衣公據填逐陰司、䟽圕四道封皮、黃𧵑

聖位用之在前請伏功德齋筵聖僧謝過萬全
分明
尼請𠇕筵天庭景鑾寫狀分明許詳並用黃紙
色黃臨時对寫血當捜毫侵召三府塔高共固
巴狀絲毫庄差方函可𤀗皮外但敢聖号渚差
之羅內狀一体庄訛共固聖号𤀗函如㷆䀫自
𢽼奏乡頭旦徵滿散術娄仍羅旦朋边會侵科
恭遇某節丕和買分齋称届當某旬七七百日
或臨二祥意羅十殿冥王迎旬共固保詳朱咍

埃固乡鰄迓斋屆當某七薦扃关意异嚼保奈
旬㞑吏咣曰亡人神供初祀罘𥫗和推生老病
死計鉣和用病死乍宁時肉生老乍宁些三用時年
女瑰日逆嘶遶男瑰順毻保㑊朱哈位背無琵
平㞑幡時固琵朱哈於頭埃固某戥閉妻生背
些三諸曰琵乡之凡庫平㞑㝵圭無戥有琵曰時
姓名屬銜五姓五行宮商角徵羽分明朱謀位
吒显考昆傷位嫫显妣耶娘仍毘翁毘祖考計毘
曾祖四代意陀共高高祖五代課㞑良人才正实㞑

重賢室中巽婿实先賢婦賢妹姉㛪庄姪賢兄
秝号巽要賢弟巽奄買参討之堂伯堂叔歲欺
号称往𫉬丕時人倫伏為正寿亡灵苐埃朱别
朱明曰色保奴每理塔高庄少秝苐諸量孤疑
意昇爾保曰位尼保陳印諸侵斋垓歲印三宝
逼連用諸疏牒開单滿匕開牒罘印畧娄单固
歲卯半頭宁年皮牒巴印萬全額字二印共連
神位正面法戢用之陳連封字丕時諸詑滿封
等狀斯縣正回一印用和宁封方函疏狀凋匕

用之三印宁封𠴊頭奏疏申状𡍞匕用之一印
半頭宁年意児揀印它安吏保題位黄爸滿焉
伏位或五或三以中為正題乡畧尼二位四位
課尼以左為尊曰尼諸佚畧娄戕保渊匕依如
尼帝連通每㢆資生水陸真陽資度品式道場
諸斎理年劄底後來談言妙語㕸𢀨後人埃乡
總幹攻文沾紙朱沍逬分午通𠇮鈇福享無窮
畏畑伏祖朗通閱茹灯匕相續斯貽畏畑㝵浣丕
和朗𡛔禪畧徵課安耒𤉬児奴少軒梅劄奴

南無長壽王菩薩 證明

台岡詞祝筆

神筆灵々三宝證明含全大印樂願超生

天子萬々年

Công Văn Dịch-đình bày biện các đàn
Thuật trên hoàn chi sở tạo
Di hậu học chi vô sai



Vĩnh-Khánh Tam niên Ngũ nguyệt Cốc nhật (173…

Thích-thị công định 攻定 Quốc ngữ tập

Nhiều trai chúng (徵) thưở định rồi
Bút nghiên bèn chép hiện nơi lý mầu 茂
Chưa 助 thanh Thích điển [釋典] đâu dấu
Huyền quang diệu bút trước sau để truyền 䏻 䴵
Tam giáo đồng qui nhất ngôn
NHO cùng ĐẠO-SĨ, TĂNG THIỀN là ba
Ấy là phép Bụt THÍCH CA
Làm 豊 lời 𠰘 Quốc ngữ để hoà dạy khuyên
Ai đã chưa giáo nhà thiền
Công văn (攻文) lâu 老 hết mới / nên danh thầy
Từ ngày hạ bút ~~hương thang~~ [đến nay?] (…
Hương thang mộc dục ngày ngày sạch thanh
Biện khiến một 𠄧 người 𨁪 tiểu sinh
Thu lấy giấy viết phân minh tỏ tường
Tờ phải (拎) để đòi trường
Vô lỗi 𢀨 ấy để có phương mữa nai: 𠷊 → 柰 (x.40)
Bảo nhà trai-chủ chẳng 庄 sai
Mua giấy ngày rày xá hợp trừ hao
Một nghìn thêm một trăm vào
Phong khi lâm 森 → 林 lỗi tiêu hao kia là
Trước thì trì thọ [持寿] mệnh ta 𠜊
Sau người được phúc chủ nhà được ơn 𢀨
Ni 泥 được tuổi hưởng thọ trường
Lỗi thì giảm toán đã an hai mình
Hoặc là bạt độ 拔度 tư sinh (資生)
Ông bà cha mẹ phân minh tỏ tường
Mẹ thác [𣩂 → 托] còn cha tại đường (在堂)
Thì xưng AI TỬ (哀子) con thương thay là 世

Côi mẹ mà thác rồi cha
Trai chưa mới phải xưng là CÔ NHI 孤兒
Cùng khuyết phụ mẫu đôi vì
Bề nhất (斉 —) vậy thì xưng là CÔ AI 孤哀
Vợ bỏ chồng, trước qua đời
LƯƠNG NHÂN 良人 xưng hiệu là nơi ngày rày
2b Chồng thác / [2b] bỏ vợ thương bấy
Trai chủ xưng hiệu ngày rày THẤT TRUNG 室中
Cháu 沼 trả 把 ơn bà ơn ông
THÂN TÔN 親孫 báo đạo dòng dõng xưa nay
Con mất cha mẹ làm chay
NGHIÊM PHỤ, TỪ MẪU nghĩa rày con sinh
Anh em là nghĩa đệ huynh
Thân huynh thân đệ phân minh chẳng nài
Biên hậu bát nhất chẳng sai
Biên 先 Côn 昆 chẳng khá, phân hai chẳng hồ.
Sinh tự (生字) bất khả hạ thùy
Nhược bằng Tử tự chẳng được trò 路 chi đầu hàng
Bầu chữ sớ điệp quan đàn 關單
Đẳng chư vân tự nội đàn vân vân
Biên dư nhất chưởng chi phần
Hậu dư lưỡng chưởng dư phần lạ thay! 世
Biên đầu trễ bát phân này
Hạ thông nghi tẩu 鏈走 kiến rày bỏ đi
Này là bối phẩm 貝品 trai nghi 帝使
Tư sinh 資生 tùy nguyện yêu chi suy tường 要
Đại trai thủy lục minh dương 大帝水陸冥阳
Hoặc có dụ tấu nghi tường nghe đang 仪 详 詣 当
Ba viết làm sáu biểu vàng 黄
Chu thư 朱書 hoàng chỉ 黄纸 yêu đường 腰 khiếu
3a Bả trạng bạch địa thiên thân 白地天申
Sự thân ai biết lẽ luân 論 cho thông
Biên hiên đéo đấy dòng dõng
Chẳng bằng truyền khẩu mới thông sự này
Ngày nào trúc lập 築立 đàn chay
Bạch địa thiên nhật 天日 (?) là ngày thiên thân

Đô hội trúc lập phô trần 鋪陳
Cẩn thủ 謹取 chính nhật trạng thần viết vào
Sự khôn ai biết làm sao
Thụ phan 竪幡 ngày nào ấy ngày chính trai 正斋
Cẩn thủ mộ nhật 某日 chẳng sai
Mộ nhật sùng kiến 崇建 bảo lời phân minh
Hoặc là thủy lục tư sinh 資生
Nhật dư 日預 tấu biểu ấn hành như chi 按行如之
Nhật bạch địa thiên trạng tùy
Lễ ngày đăng đàn là nghi 仪 nhật sùng 日崇
Lễ mầu bảo hết cho thông
Ai tài dom 稍 thấy 體 thì lòng 意 hiểu hay
Trạng bạch viết dùng bạch chỉ 白纸 nay
Vô hàm hữu lậu 無㘅有漏 trong rày nhất phong -
Quan đan 関單 tứ đạo tinh dụng 四道並用
Đứng đang cảnh vị 境位 tịnh không 並空 chớ làm
Thần vị 神位 tứ hướng 四向 đà 陀 cam
Chí ư phát tấu 至於发奏 dùng làm trai nghi 斋仪
38 Tấu trạng thất khẩu bảy / thì 奏狀七口
Tịnh dụng Bạch chỉ 並用白纸 hắc thư 黑書 dòng dòng
Thân trạng 申状 thì có tứ phong 四封
Quan đan ngũ đạo 関單五道 dòng dòng như chi
Công điệp hữu tứ phong bì
Nhược vô dự tấu dùng chi phát rày
Phát tấu viết biểu vâng nay
Bồ tát bạch chỉ trạng rày cho thông
Thân trạng thì có tứ phong 四封
Cùng bạch chỉ viết tinh dụng như chi 如之
Tùy nguyện vãng sinh vậy thì
Phát tấu dùng biểu cũng thì mới nên
Tâu Phật lục vị gia tiền 加前
Thế tôn bồ tát kim liên thượng tòa 金蓮上座
Đình vị 停位 quán đỉnh 灌顶 khứ là 去罢
Thêm (vị?) thập vị phật vậy hoà lệ danh 例名
Liệt tiền 列前 tam bảo phân minh
Thiên địa thủy biểu tiến trình chưởng phương (方掌?)

Biểu viết chu thư 朱書 giấy vàng 紙黄
Bồ tát bạch-chỉ hoàng thiêm 黄簽 tịnh dùng
Trạng thần thì có tứ phong
104 Phép làm bạch chỉ tịnh dùng hắc-thư 黑書
Tấu sớ bồ-tát phật-tử
Những rằng đệ tử mũa hề phải chăng
Thiên phủ 天府 thì xưng Thần Tăng 臣僧.
4a 108 Địa phủ 地府 xưng viết TIỂU TĂNG 小僧 ròng ròng
Thủy phủ 水府 xưng rằng TĂNG không
Thân trạng 申狀 tứ đạo 四道 vậy cùng tùy chi
Thần tấu tiên trạng chư nghi
112 Nhật thì bất chỉ 不指 vậy thì lưu không 流空
Nội-đàn sớ tứ đạo phong
Có bốn phó bản tứ phong phương hàm 四封方函
Công đức sớ ấy lại xem
116 Viết có nguyên mệnh 完命 ta làm cho minh
Thái tuế 太岁 niên nguyệt nhật hành
Dụng chi nhất ấn phân minh cho tường
Công điệp bát đạo bát trương
120 Khai ngục công đức một đường lá 萬 thay 世
Đến hoàn 填还 công ~~đức~~ cứ thuở nay
Viết bốn điệp ấy cho hay lề mẫu
Cùng có chỉ mệnh trước sau
124 Dùng chung nhất ấn giữa 字 đầu ngạch đang
Nhất ấn đạo tệ đầu hàng
Bài niên nhất ấn yếu đang thay là!
Pháp sư nhất ấn kể ra
128 chư tình 諸并 cùng vậy điều hòa trước sau
Đi ~ [ɲʒ?] tường phẩm tự 日字 làu làu (ɲʒ = minh?)
Học xem cho biết lề mẫu mới nên
Chư quan chư điệp thì tiền 前
4b 132 Phụng Phật trai / chủ, mộ tiền chủ nhà
Thần trạng tấu sớ gần xa
Cứ phụng trai chủ, chủ nhà tính danh
Trai nghi tám bảng rành rành
136 Đại môn bảng ấy phân minh giấy vàng

Hoà lại có bảng trà thang
Mỗi bảng tám hành thập nhất tự nay
Bây giờ lại bảo cho hay
140 Đôi bảng cùng viết bằng nay giấy vàng
Tiến hậu 進後 đệ nhất đẳng trường
Tứ (?) thập tự trạng phương hàm hoàng thiêm 黄簽
Đệ tam đẳng trạng tiến lên
144 Tứ thập bát đạo hoàng thiêm phương hàm
Này là đẳng trạng đệ tam
Thập tứ hữu lậu 有漏 vô hàm 无函 hoàng thiêm
Đệ tứ đẳng trạng vạn tuyền
148 Nhị thập tứ lậu bạch thiêm 白簽 dùng rày
Trai nghi tuỳ nguyện phẩm trai
Phép có bát vị, phát bày cho nên
Thập Phật thập vị toạ tiền
152 Đệ nhất đẳng phục lại thêm một [illegible] vì
Phổ quảng Bồ tát dụng chi
Thuộc đệ nhất trạng hàm 函 thì hoàng thiêm
Tuỳ nguyện thuỷ lục minh dương
156 Nhị trai phóng thủ bảo tướng cho hay
5a Tư độ 資度 một 象 đêm một ngày
Bốn thân năm trạng viết nay năm hàm
Bởi điệp năm quan 關 năm đan 單
160 Ngũ vị sứ giả, ngũ hàm thuộc chi (=nó)
Công điệp tứ đạo phong bì
Thiên hạ đương giới 當界 thuộc chi thành hoàng
Khai ngục ốc tiêu 沃焦, nhị trường
164 Cũng là tứ đạo một đường cho hay
Quan đan 關單 lại thuộc bằng nay
Năm ông năm đạo viết rày cho nó
Tiền hậu đệ nhất đẳng khu
168 Phương hàm thập tứ trang đồ 塗 hoàng thiêm
Đệ nhị đẳng trạng tiến lên
Nhất đạo hàm khẩu hoàng-thiêm tịnh dùng
Đệ tam tứ đạo tinh phong
172 Vô hàm hữu lậu thiêm hoàng nhị chi

Đệ tử lục đạo phong bì
Bì thì bạch chỉ vậy thì bạch thiêm
Nội đàn nam điệp vạn tuyền
176 Công đức khai tịch 征[illegible]閩 phương viên nội đàn
Viết có nam điệp cho yên
Hoá y 化衣 cống cử điền hoàn 填还 âm ti.
Sở có tế đạo phong bì
5b 180 Hoàng thiêm / thánh vị dùng chi tạc tiền
Thỉnh Phật công đức trai diên 齋筵
Thánh tăng tạ quá vạn tuyền phân minh

Nầy thỉnh phi điện 彩筵 thiên đình 天庭
184 Cảnh dư 景譽 tả trạng phân minh tỏ tường
Tịnh dụng hoàng chỉ sáo hoàng
Lâm thì đối tả huyết đang sấu hào 对寫血當搜毫
Nghi triệu tam phủ thập cao
188 Cũng có ba trạng tỏ hào chẳng sai
Phương hàm khả lậu bề ngoài
Dẫn cải 但改 thánh-hiệu chớ sai chi là
Nội trạng nhất thể chẳng ngoa
192 Cũng có thánh-hiệu lậu hàm như nhau
Dạy từ phát tấu làm đầu
Đến 旦 chúng 徽 mãn tán 滿散 về lâu 娄 những là
Đến bằng bên hội nghi-khoa
196 Cụng ngộ mộ tiết vậy hoà mới phân
Trai xứng gửi 函 đang mộ tuần
Thất thất bách nhật hoặc lâm nhị tường
Ấy là Thập điện Minh-vương
200 Mười tuần cũng có bảo tường cho hay
6a Ai có làm nên mười trai
Gửi đường mộ thất 𡗶 tiến rãy vong nhân
Ấy là lời bảo 柰 tuần
204 Nầy lại dạy viết vong-nhân thần-vị 神位
Xưa lấy bốn chữ hoà suy
Sinh lão bệnh tử kể đi hoà dung

Bênh tử hai chữ thì hung
208 Sinh lão hai chữ ta dùng thì nên
Nữ hồn viết nghịch dưới trên
Nam hồn thuận xuống bảo truyền cho hay
Vị thì vô quận 方郡 bằng nay
212 Phan 潘 thì có quận cho hay ở đâu
Ai có mộ chức bấy lâu
Sinh thì ta chưa viết quân làm chi
Kẻ khó bằng nay người quê
216 Vô chức hữu quận viết thì tính danh
Thuộc về ngũ tính 姓 ngũ hành
Cung thương guơ [chủy] vũ 宮商角徵羽 | phân minh chỗ
Vị cha hiển khảo con thương
220 Vị mẹ hiển tỉ da nương 耶娘 những là
Ông là tổ khảo 祖考 kô ra 罗
Bằng tổ tứ đại ấy đà cũng cao
Cao-tổ ngũ đại thuở nay
6b 224 Lương nhân tài chính thật nay / trọng hiền
Thất trung là vợ thất tiên 先
Hiền tỉ, hiền muội, chị em chẳng nhầm
Hiền huynh xưng hiệu là anh
228 Hiền đệ là em, mới lành thảo chi
Đường bá 堂伯 đường thúc một khi
Hiệu xưng chú bác vậy thì nhân luân
Phục vì chính 正荐 vong linh
232 Nào ai cho biết cho minh viết vào
Bảo nó mọi lẽ thấp cao
Chẳng thiếu lời nào chớ lượng cô nghi 孤亏
Ấy là lời 例 bảo viết vì
236 Nấy bảo đóng ấn chữ nghi trao đàn
Một ấn Tam bảo thông liền
Dùng chữ sớ điệp quan đan lâu lâu
Quan điệp bốn ấn trước sau
240 Đan có một ấn bán đầu 半頭 gưa niên 字年
Bề điệp ba ấn vạn tuyền
Nghạch-tự nhị ấn cũng liền 卄 thần vì

. Chính diện pháp chức dụng chi
244 Dòng liền phong chữ vậy thì chớ ngoa
Lậu phong đảng trạng gần xa
Chính diện nhất ấn dụng hòa trủ 字 phong 封
Phương hàm sở trạng dòng dòng
7a 248 Dụng chi tam ấn trủ phong hai đầu
Bấu sở thân trạng đâu đâu
Dụng chi nhất ấn bản đầu trủ niên
Ấy là đóng ấn đã yên
252 Lại bảo tế vị hoàng thiếm lậu hàm
Phật vị hoặc ngũ hoặc tam
Dĩ trung vi chính 以中為正 đỗ làm trước nay
Nhị vị tứ vị thưở nay
256 Dĩ tả vi tôn 以左為尊 viết nay chớ lầm 任
Trước sau dạy bảo dòng dòng
Y như nơi đấy liền thông mọi đường
Tư sinh 資生 thủy lục minh dương
260 Tư độ phẩm thức đạo-tràng chư trai
Lễ mầu chép để hậu lai
Đàm ngôn diệu ngữ 談言妙語 dạy người hậu nhân
Ai làm tổng cán 總幹 công văn
264 Xem giấy cho sạch mười phần ngộ thông
Trợ nhiên phúc hưởng vô-cùng
Một đèn phật tổ sáng 明 thông muôn nhà
Đăng đăng tương tục gần xa
266 Một đèn trăm ngọn vầy hoà sáng soi
Nhiên-trai chứng thửa yên rồi
Dù là nọ thiếu hiền mài chép làm

Nam vô Trường thọ bồ tát chứng minh

1/1/1980

公文後庭排辦各壇

汲水壇或在家本或在井處用[illegible]在江處用河伯牒金銀二分棗盤三両宜衣二領用白色冠帶三件桌子三箭火炉一口[illegible]來迎牒焚在井處畢請水于棗家或設[illegible]于棗坛如法



淨齋筵造桒盘三百箕衣二領[illegible]世[illegible]一件[illegible]白一

日夜至三日夜寫依如為公文[illegible]

夜須寫為三道太陰一道監齋大士[illegible]

畢請太陰儹焚在桒家處監齋[illegible]

淨儹焚在造饌家處財馬隨[illegible]

布一段藉朱半錢一貫排辦[illegible]

造饌家排辦持灯引前先入[illegible]

畢後入行科火炉一口依如法

次置在桒炫設行科畢請于厨家[illegible]奉香花[illegible]

至满散請淨厨位至先迎後送如法



大供祭盘
太陰位
金銀財馬
監祭位
祭盘
金銀財馬
朱
案前
書
洗手
盥盆
法主
代拜
左戢
右戢
獻樂
檢祭
公文

開鉢壇筵桑盤四具飯淨一鉢置在上盤筵
鐃一柄淨花并水一鉢先礼拜行科懺悔
有道場後行開鉢法不梵莃法若梵子
飯梵喫者再陳情自覺懺悔本身再行開
鉢法脫梵子飯于喫者如三業不染六根
六塵不染而性識圓明開者出離之門
鉢者受業隨身喫者多行萬若飯者舍
法食解除萬慮千愆若未有開鉢者大
衆自顕嚴刻至助桑桑主人未淨其身也
自三日至五七九日頭前一日有建開鉢壇



法位
佛位
僧位
法主位
大佛
證明位
法主
左衆
右衆
代拜
左衆位
右衆位

□因緣叢四心筵



盥洗筵或盥洗䟽或有供僧伽衣褐并十物有供財

䟽先置辦弦香白花畢公文疊亜字圖法主初入道

場等行料畢法主道場等者出右边法主初入右

边下詣至三寶位拜出左边行盥洗所洗手帨手

[illegible]三星宮卑拜監來位就于左边上頭按及

[illegible]同行如法者就左边位以左戢正伽一

人 [illegible]主位行如法復前位樣㕔同行如法以左

戢正伽唄盥洗所經藏一柄用赤綃三尺三寸鑞

東米海香錢一貫美當是用置在右边勢同監來

于壇邊乾巾帛布一尺三寸壇置在請建筵家



大使
案前
法主
左職
右職
辦壇人
公文
代拜
鼓樂

請榜筵排辨七日夜置于請庭筵自三日夜至一日

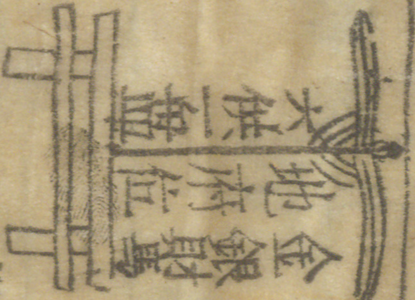
夜置于淨舍前用阜子三件齋盤三百古錢三貫

法行如後



預奏筵前用預奏四位用表大道函大口並用黃綾
条書白兔天狀一張并封皮並用白紙黒半弁錄
四道牒四道無當境位置于請庭筵四門四角加
法拼辦





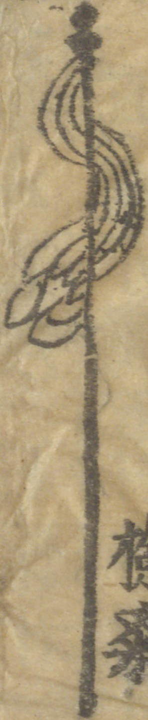


辦玄　鼓樂
左戥


進表位
香灯
按經
香
香
法主
右職
公文
金銀財寶
天府位

發表筵先排辦卓子二件案盤一面置于天門方坐
向天福方法主捧表盞大衆左行者從左行右行
者從右行後引前前隨後如法鍾皷鐃鈸建天法
主詣至發表前法主立于右邊面向華蓋方案主
立于生炁方丙邊對面者跪案主受表立于中跪
詣表至額上懇尽情法主受表詣至上壇前對面
聖前跪置于前想表畢抗燭焚之畢法主大衆皆
就使者位前礼拜畢
頷奏散奏　覆表用箱上青下黄一尺三寸
發表同如法





糾人

置表燭焚

辦盞

檢案

顯捘

法主

讚師

左職

者職

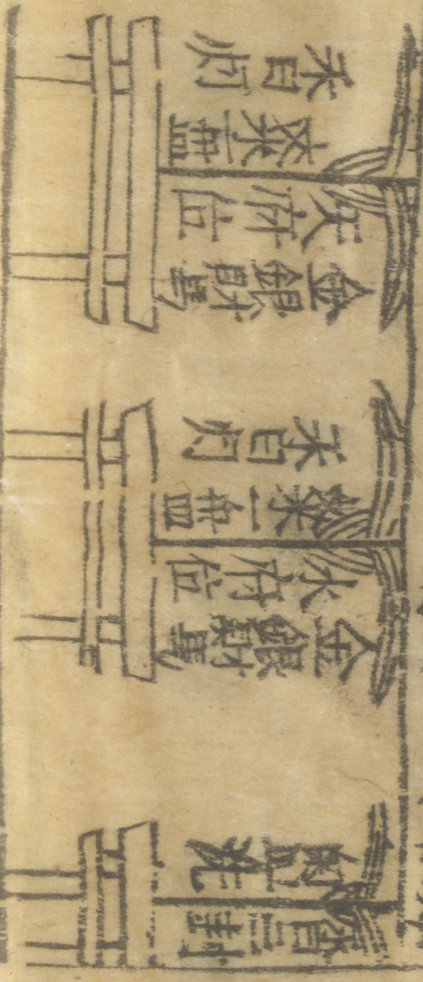
歐樂

代拜

公文

嚴奏延　資度一日夜并一夜間置壇同一日夜奏狀
五函并牒五封申四封牒四道關五道單五道疏
衣五領冠帶鞋各五位五件金銀進貢五位兩紬
五柄梭樀五件桑盤五面次爐一口鉢箸一雙皁
子八件安排左右置于路天桑主奏狀申并關單
懇畢公文請引至本位避左下右進右下左如法

置壇四角用四門
四廚如法



左戲歡樂

香 按經 香

法主 代拜

右載公文

金銀財馬
寶玻位
案一盤
香灯

香 進衣 香

檢案

金銀財馬
北斗府位
案一盤
香灯

金銀財馬
當山府位
案一盤
香灯

香燭盤
米福田

啓奏賞表與遞水陸七日夜并養生隨類冥錫号帝

三日夜若有須奏時發奏用狀與須奏時發奏用

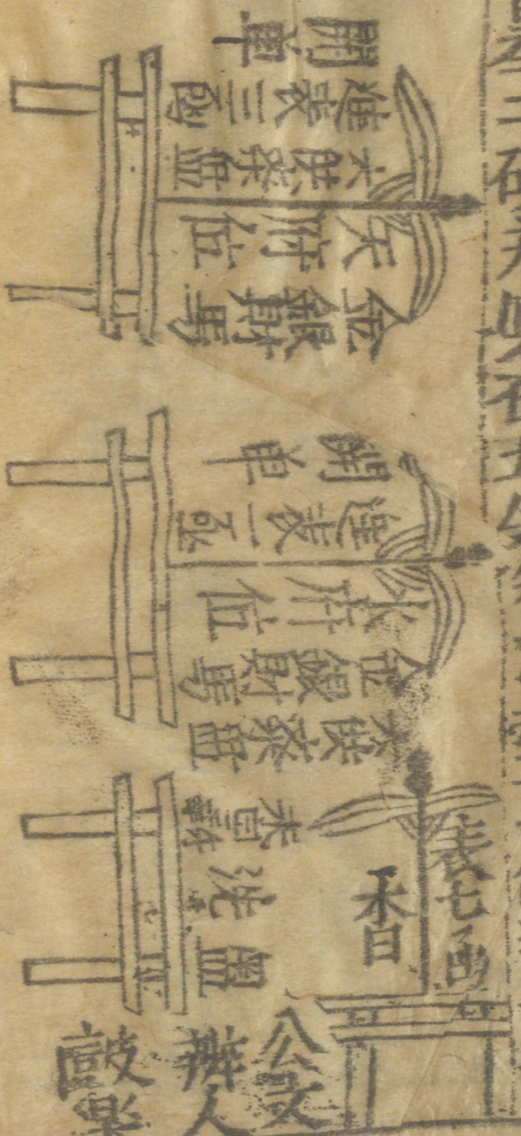
表開五竈单五道蔴四道用黄絹七尺青絹七尺

覆表褙表布白精開单賞表公文一人白布一段

五尺朱墨二硯并冥衣五領包帶鞋五件辦如法

置設四角

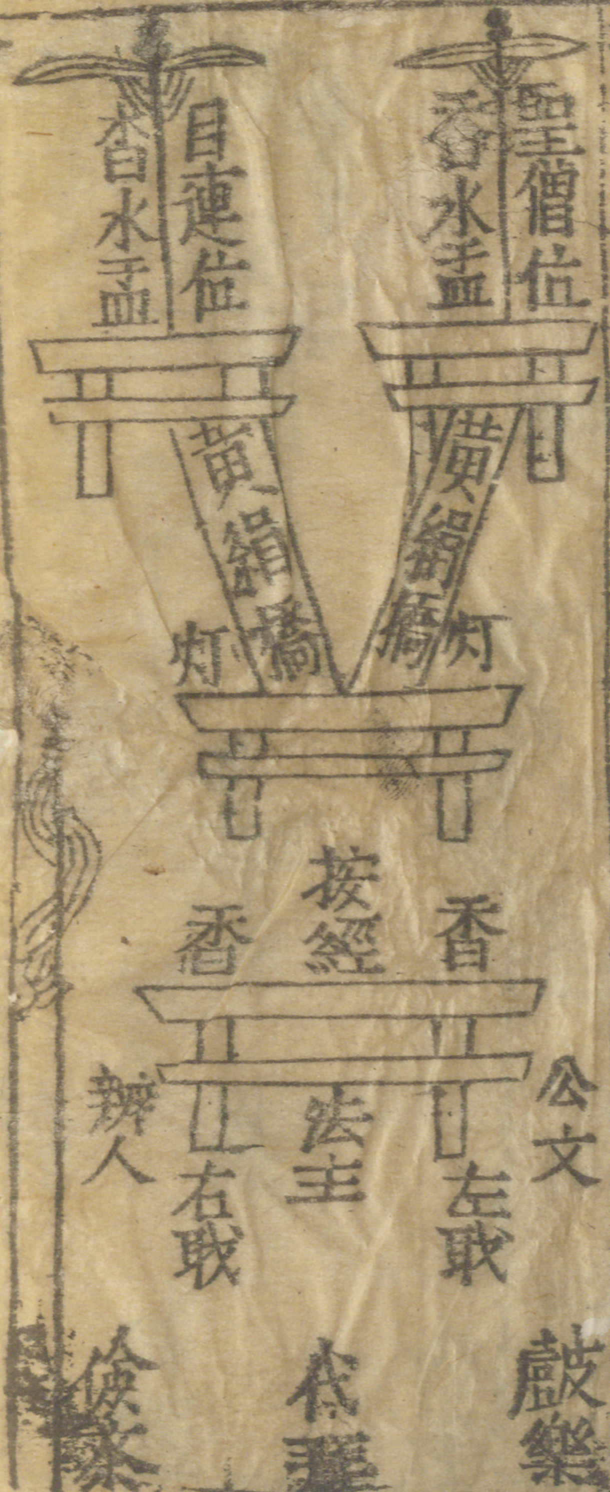
四門四圍





金銀財馬
寶坊位
披經
香
法主
代拜

請聖僧辨䟽一函自七日夜三日夜用并副本置在
本位若一日夜用䟽一函灯二件交辨黃絹橋二
段三尺三寸包頂法主包頂宣䟽左戰引前如法
請目連者中元排二位同如法



安檢桌筵安本位右班上紅旗一柄馬一隻

請經筵琅函一件包經黃絹一段七尺贖經一百文

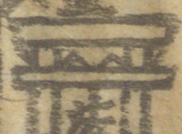
錢經在边江處黃絹一疋為橋如法



竪幡筵排辦或天福方或澄金豐甫天門方散吉祥

錢一百文糊米桌盤一兩香花如法



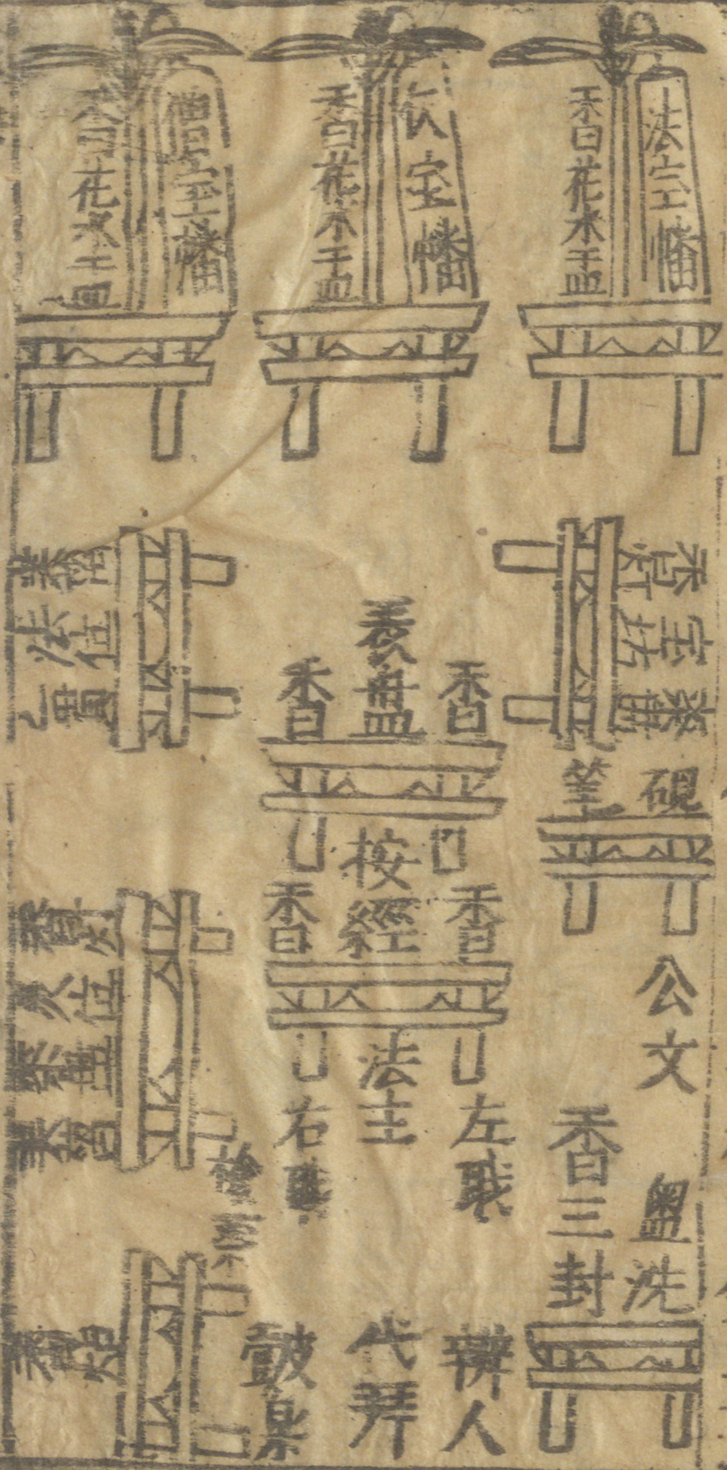


黃案

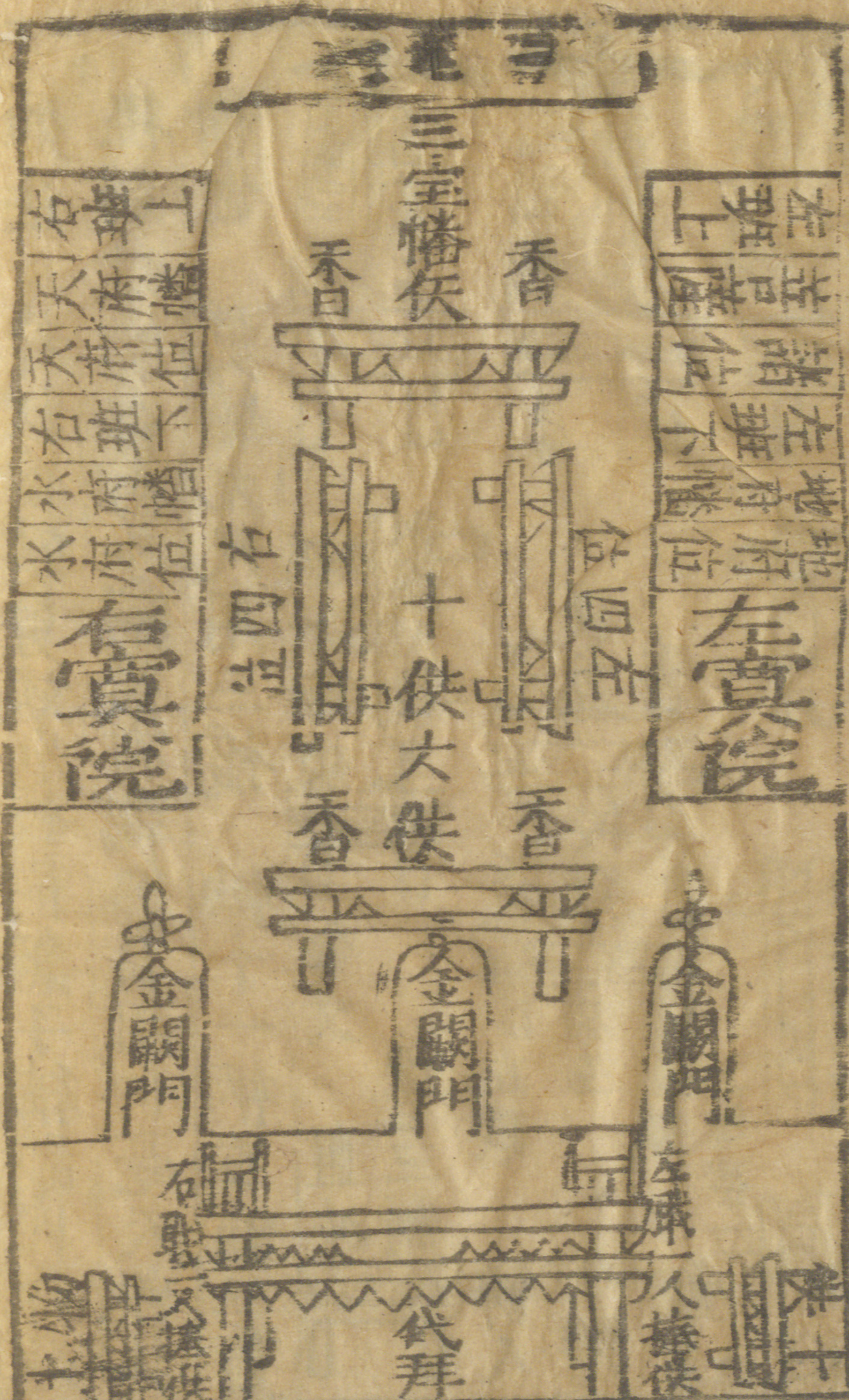
左

請佛當堂請魂天[illegible]狀一爲開通三通初入
壇法主先就右邊大衆顯發立以下皆就左邊奉
主皆從左邊發奉人立左邊亡人床法主立右邊
亡人床發奉人唱奉主就位席立奉主跪三晝長立
以左戰詣奉主行盥洗所復昔位焚香俯伏四拜
跪法主行刺血文以右手角爭以左角自剪至中
天谷取髮中谷爲血取首草天德方爲燭焚髮于
圓台中故曰報乎文爰也公文寫狀畢詣至法主
位看過成其狀內來還本位拜法主四拜奉主礼
靈前四拜畢再礼法主四拜畢各就對聖前行禮

如法○若叔伯姑舅姨別枝同無子繼嗣內孫外
孫別枝所養爲子嗣後有鞠無育用向亳天報其
鞠也　黄絹九尺用三橋　帕十一柄右錢三貫



內齋奈堂排辨各位道


三寶幢位
香
香
左班上壇菩薩諸位
左班下壇地府諸位
左實院
右班上壇天府諸位
右班下壇水府諸位
右實院
左四位
右四位
十供大供
香
香
金闕門
金闕門
金闕門
右廊
左廊
人捧供
人捧供
代拜

開壇辦牒一封進狀五封冥衣五領冠帶鞋參盤
大旬幡五頂公文遂隨方請幡詣參主捧至上額懸
情公文受幡至烈本方伕到神去錢一貫米如法

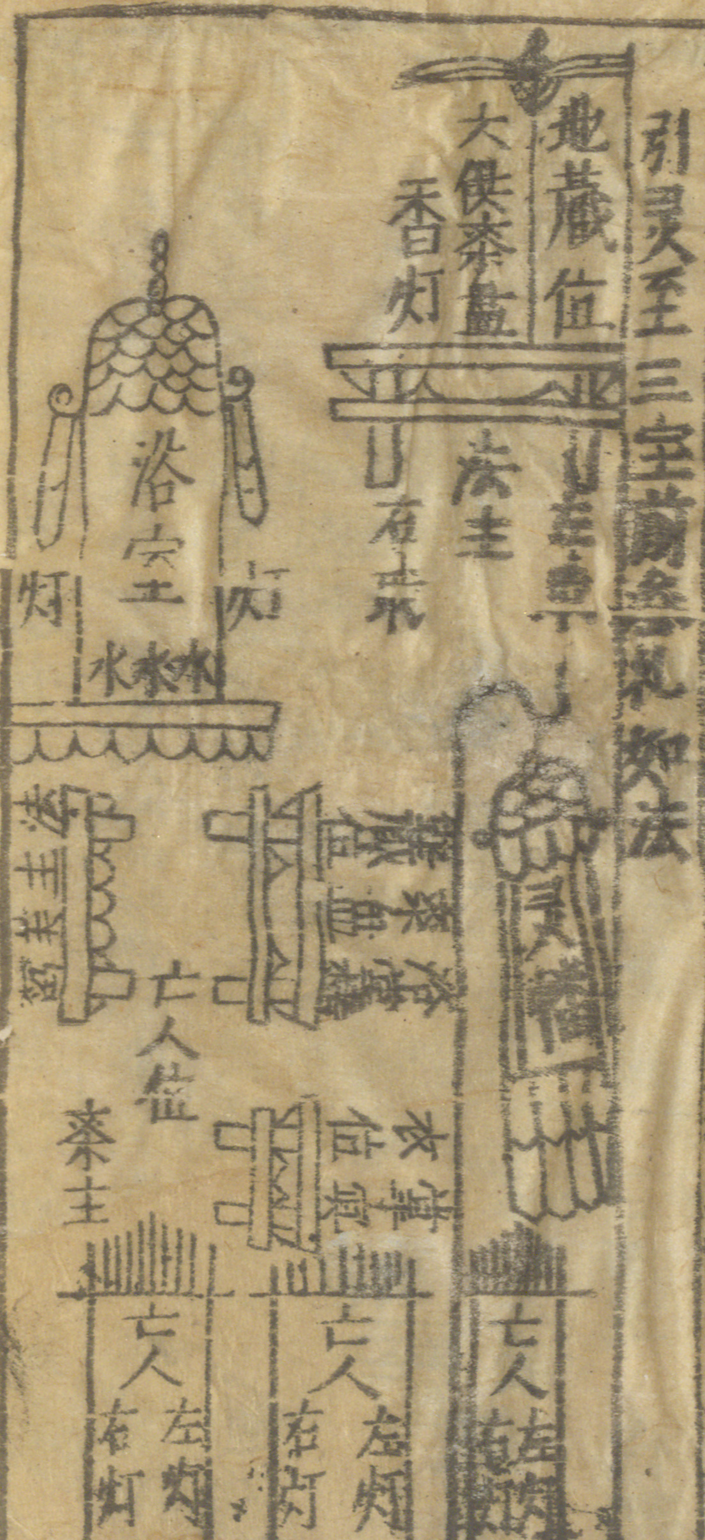


召灵差排辨摩化衣一道亲盏一百壹子度進浴室

的头日光方也浴 用大盏三牛烛二束故曰左

文右分論亡人至浴堂浴衣実衣黄於浴室前畢

引灵人至三室前参礼如法



三府使用絹天玄地黄水白撥駕朱書錢

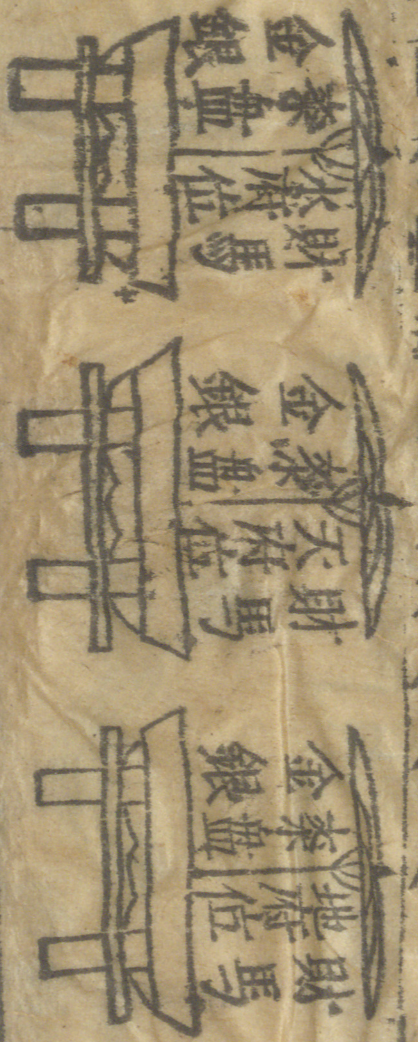
一貫白布覆藉朱書三段鼓樂鉦史器迎金

撥前參礼三寶畢引至本位天水上左菩薩

在班右在位在菩薩下地府上右降左在菩

薩下班住位公文引橋辦壇二人持灯炬時

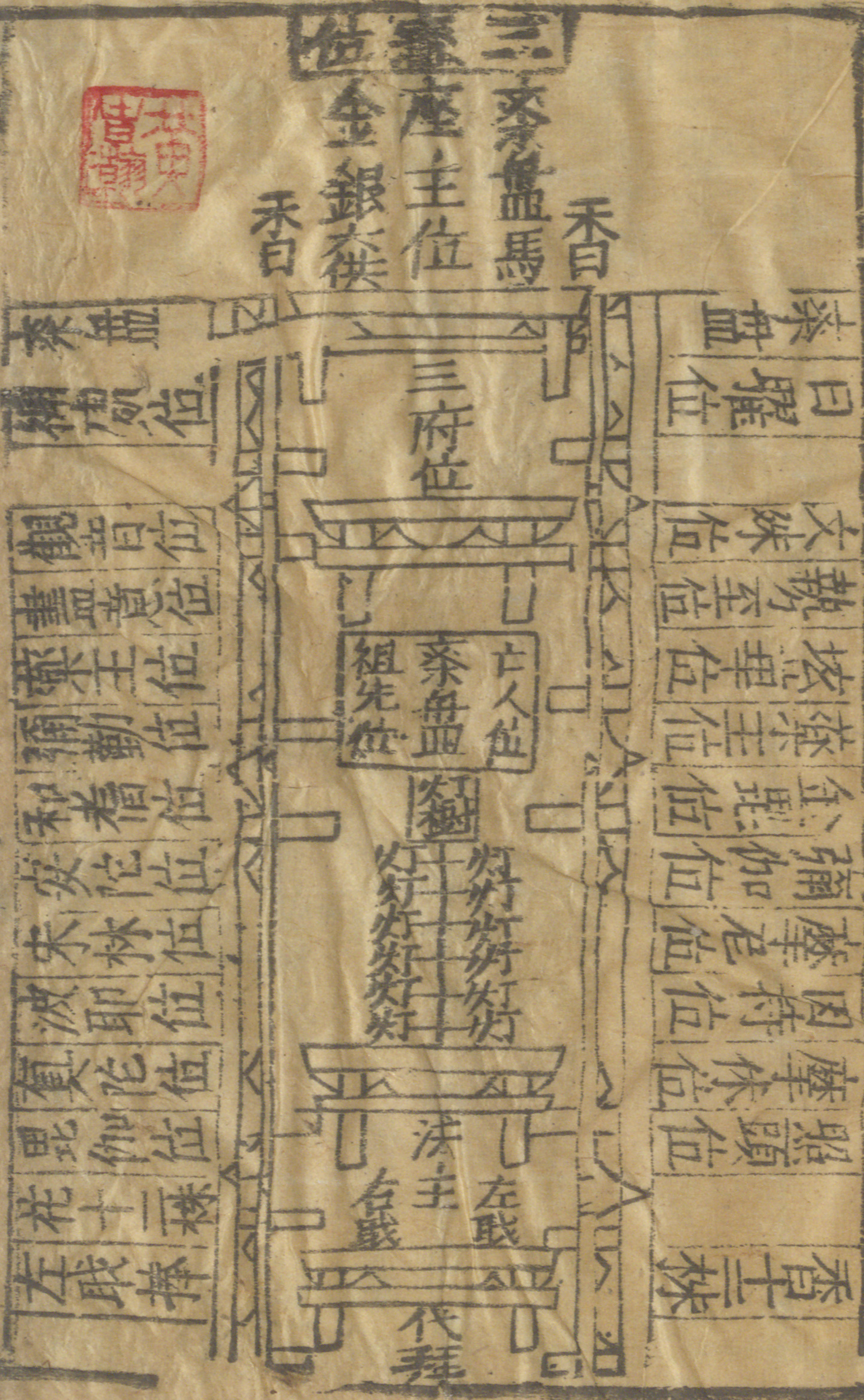
列灯前橋幡引後至本位住處





水府牌
香燈水
天府牌
香燈水
香燈茶
食一盞
朱書
接前
筆硯
鼓
燭
燭
燭
鍾
法主
火器
火器
火器
代拜
鼓樂

設燈譖辦花茶盤二 同 白布 延茂 黃綵三十尺



建獄壇辦儭五道疏一函進狀白布一疋圍垓鍍鐵

五件桐柱鏡一面銅鍋一口銅鐺一口鉢十五口

燈二十口米三十斗右錢五貫並貫絹一段白紙一百

帖七件油一養黑布一疋壇置卓子十件四角四

關四門擇日前置壇並吉沙聚會地獄論四門各

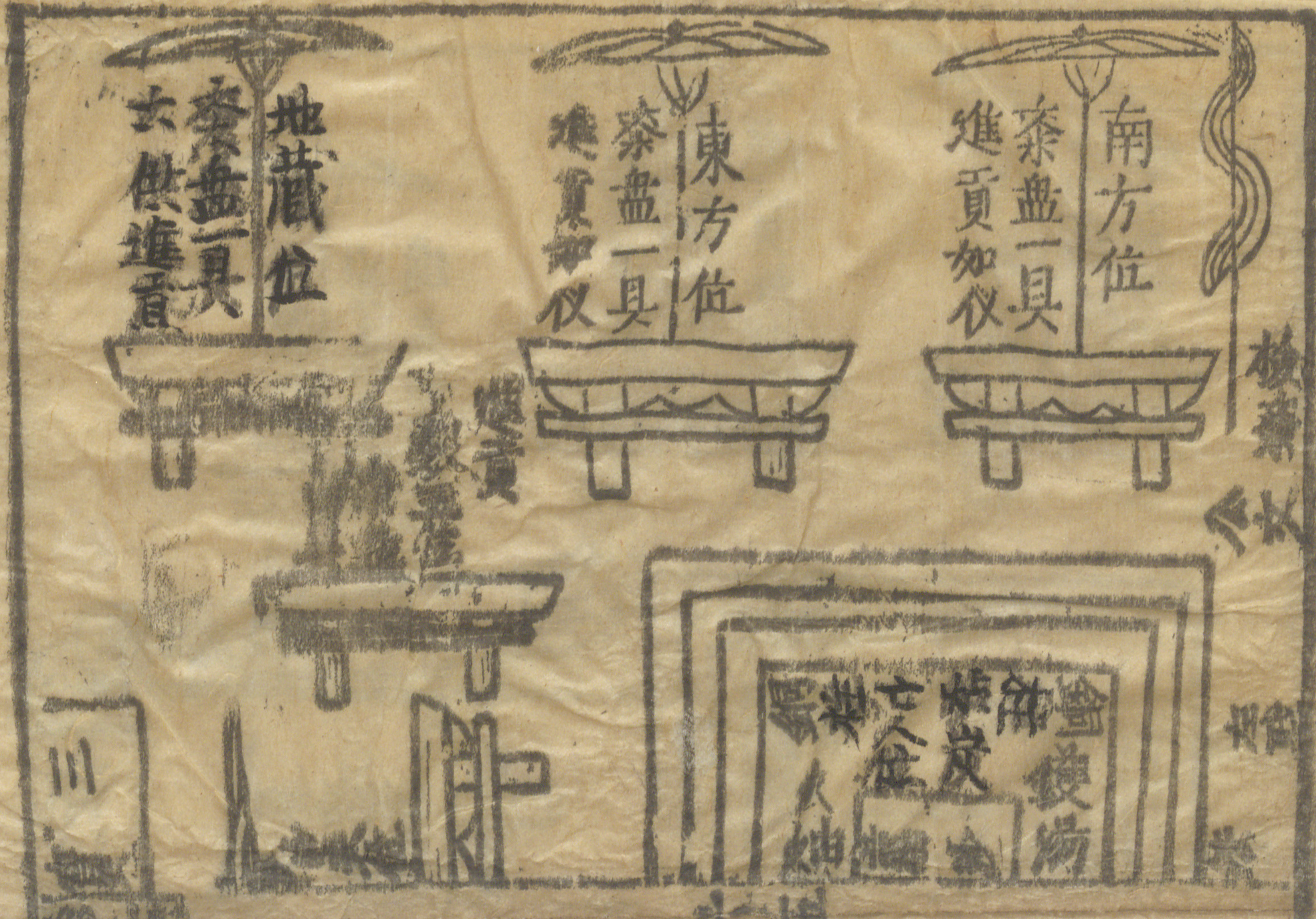
四聖外有疎籬包外內有客籬包內四角並四柱

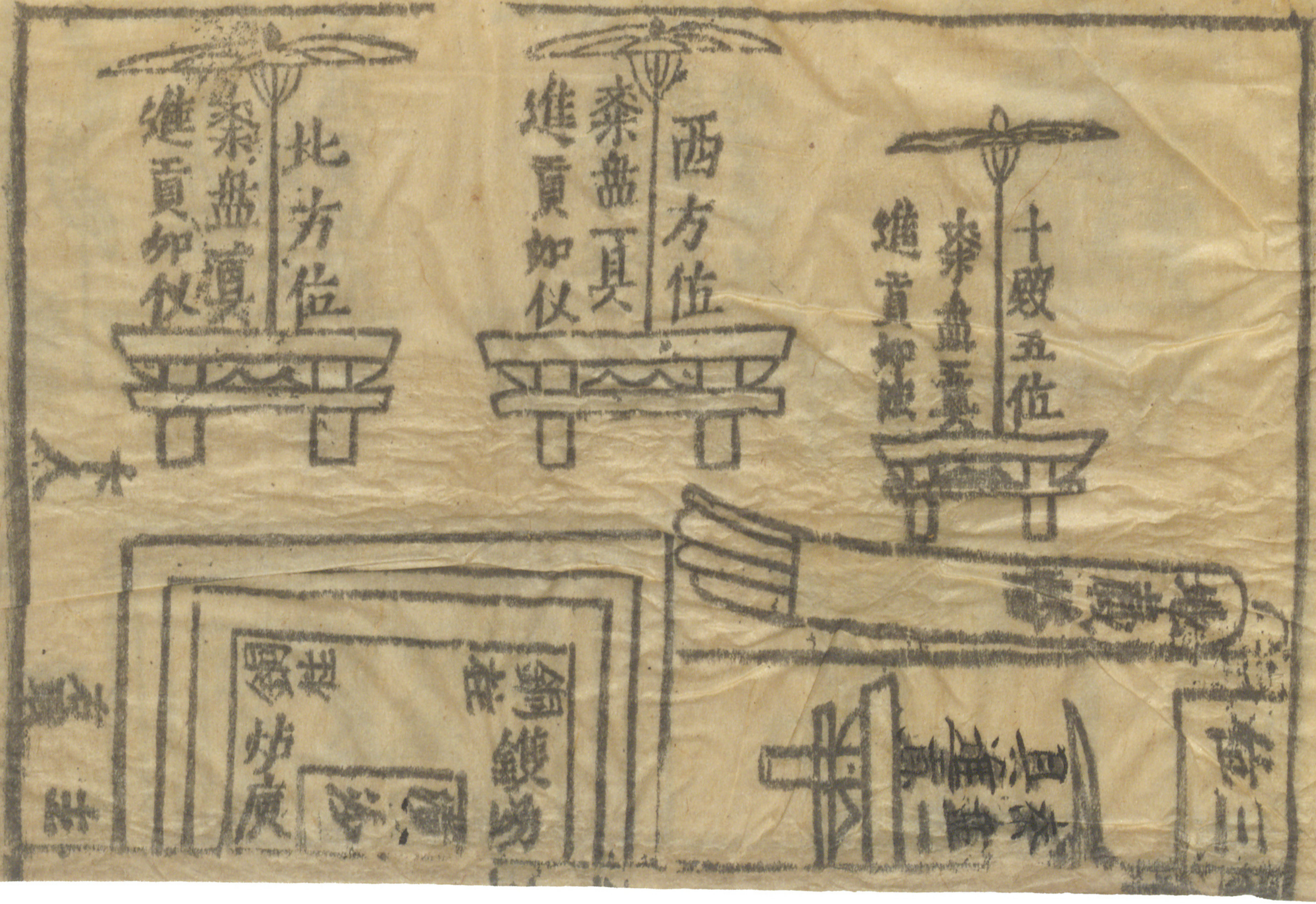
燈鑽幡一爐如法

置二聖內監地獄

置五方地獄官在五門

土壇並辦圖垓


南方位
茶盘一具
進貢如仪
東方位
茶盘一具
進貢如仪
地藏位
茶盘一具
六供進貢
進貢
三

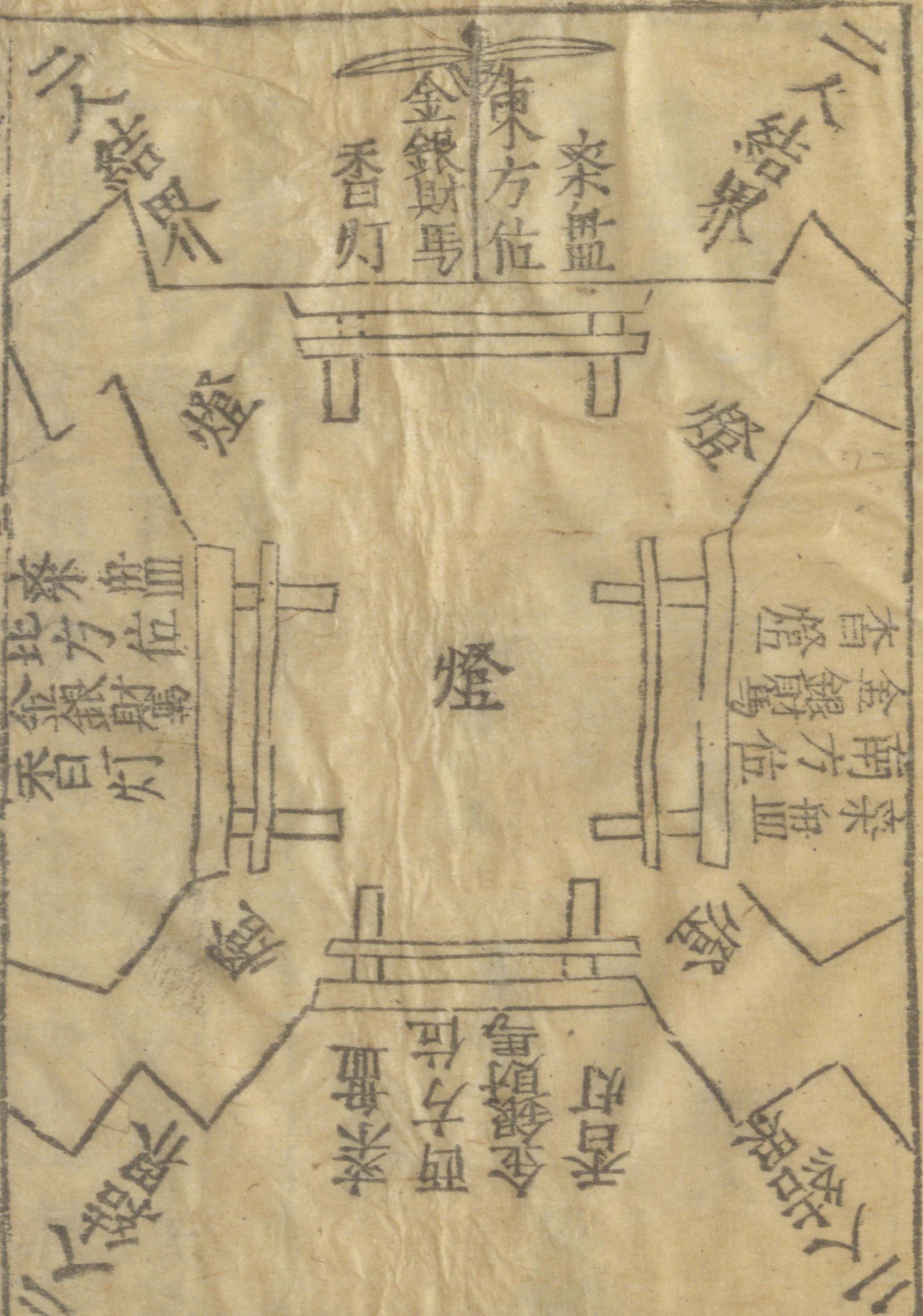


十殿五位
菜盘一桌
進貢如仪
西方位
菜盘一具
進貢如仪
北方位
菜盘一桌
進貢如仪

血湖破獄辦置同如一体


茶盤
香灯
中天位
茶盤
香灯
地藏位
茶盤
香灯
目連位
茶盤
香灯
東方位
茶盤
香灯
南方位
茶盤
香灯
西方位
茶盤
香灯
北方位
第一隻
按經
歡樂
公文
左戟
法表
右戟
辦人

建壇治壇置辨卓子七件白布一疋手巾法主一條
七尺三寸用白紬手巾題接護師用白布十四尺
分三段色頂底白布正伽二人七尺新鈸一双銅
鑼一口銅鐃一件古錢五貫米五十斗酒五堤美
菑五匣中莚筵宗置壇四天王古錢一貫二人左
戢唱結五方五部天相五方五部灌頂五花如法
先預日置壇土堝内一口大土堝一口桼盤五面奠
衣大五色五領兒帶五件䌷五件
先置請庭筵無請庭筵置在家桼佚前如法
三日至七日可用

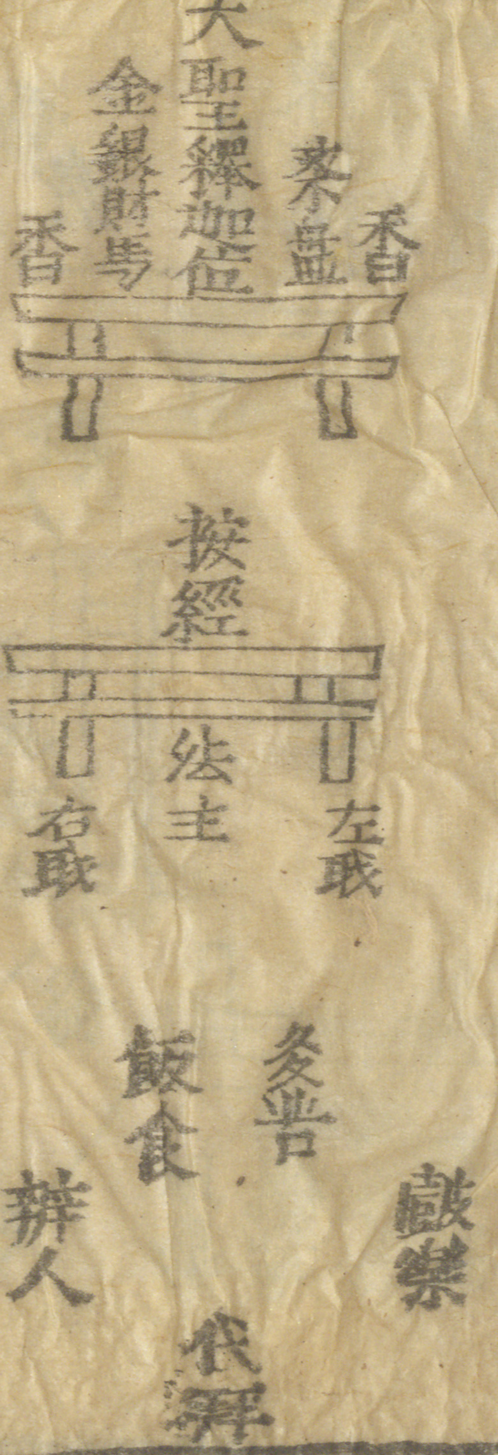


桑盤
東方位
金銀財馬
香灯
三煞界
三煞界
燈
燈
燈
燈
燈

放生壇辦卓子二件茶盞一両小醆七如来一株錢

一百文引衆生叅豈置於佛前或鄂或巢遇於叅

罹業而救之放也



燄水燈辦置佛前卓子二件桑盘一面卓衣一領冠幢用七七四十九燈大用小用七燈七房無遮水薩一百四十六燈一百四十六房引請長江放之如法



長除燈一樹辦置佛前用七層一層七燈一層七幡

桌子二件帕一柄作高三十一尺濶四尺如法



覲光結璸用礼物依如内公文



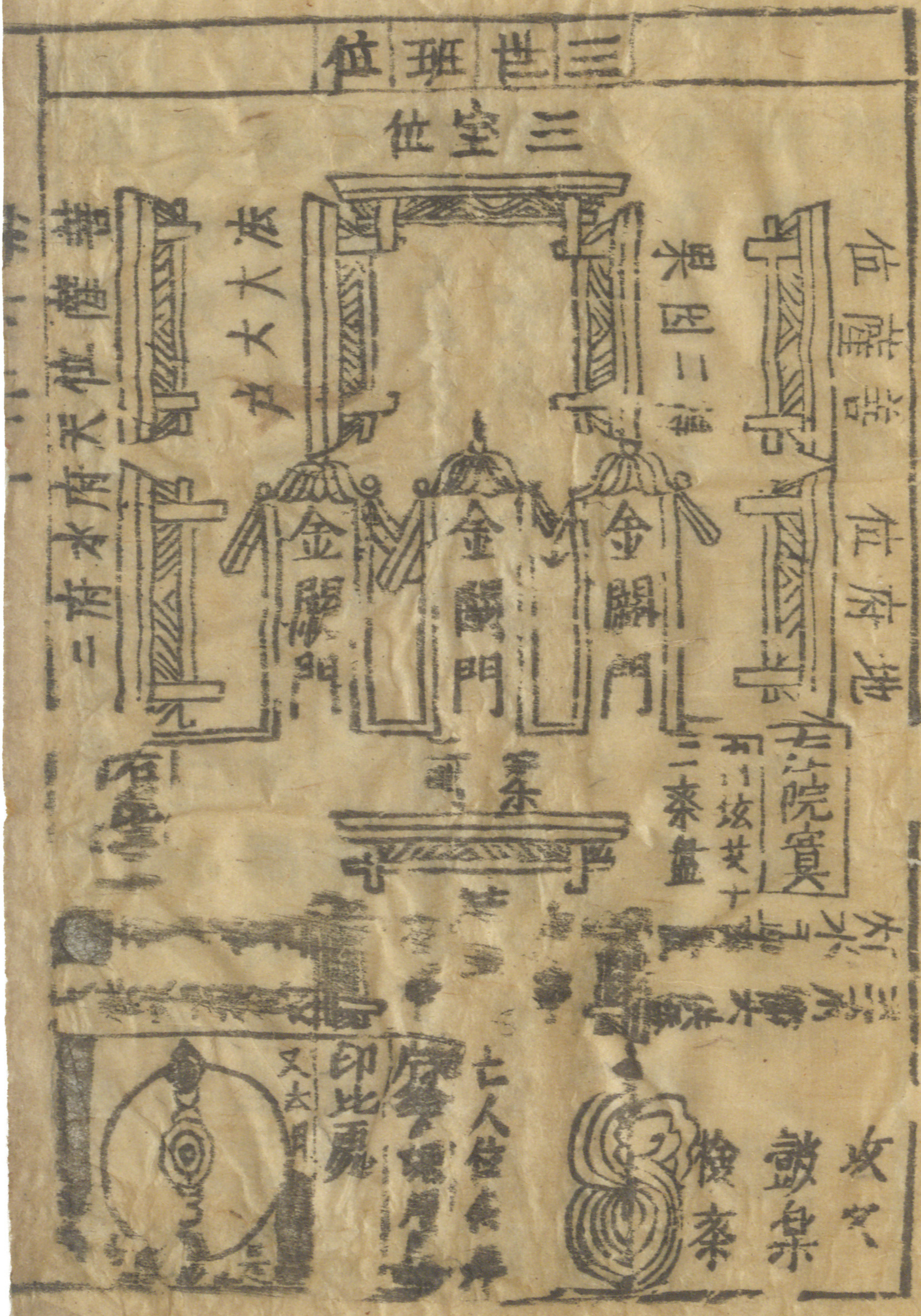
菩提傳授戒牒用彌竜紙并書三室前法主用月輪
印内栬男桑剎女尋座戒月輪也先置菩提牒考
止身功德牒置左身公攄牒置右牒身故曰天有
三光地有三教人有三䰟生者三䰟死者三牒故
曰成心月也故曰天有九星地有十柱人有七䰟
天有一性地有一性人有一性故曰伏有三覆故
曰父生母養之恩
文孫動房可用月輪也　故曰尋光報父母也
曾指嫡成伏也父養母養不成月輪也
五服不用也

三宝位



齋盘六供
普日光位
香灯金
銀財馬
鏡花花花花
金銀伏進
左助救位
齋盘六供
齋盘六供
右助救位
金銀伏進
金銀六供
亡人位齋盘
冥衣冥俱
三世位齋盘
金銀六供冥衣
灯
灯
灯
灯
用水鉢盆上
布
手巾
改文字硯朱墨
先下墨後用朱
至合回詞三宝
亡人在上三世在下
左

受菩提𦬶傳戒牒用獨竜絹紙并裹三宝
證法主用月輪卯内想男尋刹女尋空
戒月輪也左右二戒開讀攷文賛別牒
至灵床前宣。法主本命屬用手不用支。
。加持五部所屬甲乙木丙丁火庚辛金壬
癸水戊己土部。授菩提畢迎引三府牌還
本位檢案壇即一迎本位。壬子癸丑艮甲卯乙
辰巽巳丙午丁未坤申庚酉辛戌乾亥
以角五股爻向卯角立辰。向巳以吞五股為中卯以
水盃覆之戒卯也。有持戒用菩提無持戒不得用


三世班位
三寶位
菩薩位
地府位
金闕門
金闕門
金闕門

召孤壇儀用夜時設召孤壇儀剪道用〻安實

東艮方陳設物卓子三件木等二件衣

褙三件并襪附香奩并瓶一付合盞二座香

木盆茶盞三面斛食〻四十九幡〻十九條錢二叶

大供足用宜長衣冬七〻領一件裳〻并衣鐺

帽二付紫朝衣并冠帶鞋三双十〻男女

多。召孤壇至于藝化宜冥衣〻衾〻〻孤魂

鞋至冥衣乃礼三宝三〻〻〻〻〻金

阿難陀尊者左右陪護〻〻斛食〻〻筵

明日不可用


香可金銀
齋盤大供
財馬如岳

大道[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]件[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

用皇[illegible][illegible][illegible][illegible]大[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

件[illegible][illegible]二一[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

壹五[illegible][illegible][illegible][illegible]五[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

[illegible]各五倍[illegible][illegible][illegible][illegible]各[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

粲五件鉢[illegible]各一五倍[illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible][illegible]

斤鏡鐘各五件錫一瓶[illegible]黑[illegible]一竜舟[illegible][illegible][illegible]

紙大聖有真相一僕高一尺一五寸 三界接剩大夫一[illegible]

高一尺二寸 十二時辰十二相各高十寸全立

羅漢 五相[illegible]首人首馬首牛首狗首五人身

尺二寸。稍公一坐高一尺二寸。火司人首神一相
高一尺並立器械。什物各五件大小赤旗共十桐
五色旗共五色桐同扇二柄黃傘一柄竜舟中排位
竜舟長七尺闊二尺三寸。法主遣船厶日送厶方



竜舟一隻五方五顏五色長用五尺



天輪燈圖土木向安上八位星有九位歲一

燃燈圖西面安大道位法主先詣壇前至東北方
請騎遶三匝以左手點燈箕曰某星於今在某方次
第宮點生。凡作燈炬毋炬一尺燭中炬位尊一
寸高二寸以灰規作圓坛圖四內置五十盞燈以
又疊作方壇開四騎內置十六盞燈

五十三口燈



地輪燈圖法

二十八口燈



九品蓮華九層一層十八像佛觀音勢至許佗接引
亡人上金牒若案與九品不成案是迷歸也先置
卓子二件白布一疋用畫蓮華依度擡引亡也



○部合壇物序

築壇一座或八角或四面有欄楯稍扇墻外陳雜內密

辦如法

鍮劍一柄 鍮鐺一柄 六刀二件 鉄鑢二件

中刀三件 鉸刀三刃 剃刀鋸一件 鍮圓箕二件

筆墨硯紙各件大麻縄五十尺小麻縄三百尺

鉄鏁二件 太銅鑼二件 鉄鋤二双長一尺二寸

鋪白氎絹三尺廣狹量壇寶盖一頂廣量壇卷竜面

大明鏡九面縷八道用五色絹每色十尺香水一盆

塗香一盆四方迹色幡各二頂東青南赤西白北

黑各無方二頂中央黃邑四頂四角雜邑幡四十
頂掛上若掛下無四両鈴珮各四株並長短量抆
用銅錫大寶瓶一口用錫為之荅得香水五鉢閼
伽瓶十三口或富貴者用銀銅錫或庶人者瓶木
為之五邑綵纏抆三匝各一盆白粉一鉢
新筆一柄候畫抆色閼伽瓶幀手三幅各長二尺
用黃絹大明鏡掛抆二十四両
五味香　安香　白檀　藿香　龍腦　蘇合香
各五両　。用五寶
金五銭　銀二两　珍珠三十粒　珊瑚十粒　瑪瑙十粒

用藥 人參 甘草 川芎 肉豆蔻 白豆[redacted]

各五封每封一兩

用五穀粢稷麻豆太各五封宴鎮五方探錢[redacted]

五貫盧油容酒四瓶每瓶五程白米五圓甚

以外鎮信物用

聖僧法服 梁皇法服 英公法服

衲衣二領 瑜珈三頂 袈裟二幅 五字三兩

羌䩞三反 抄鵠六尺 梳扇各三件

赤朝衣一領并鞶帶

水會壇儀

之都會埃儀用七匣爲則且廣地量之若狹地畏
用五匣或三匣亦可斂之爲埃若作不成皆且有
累是故註券

列匣

次一匣金剛功十護持　次二匣神仙相立蓮花

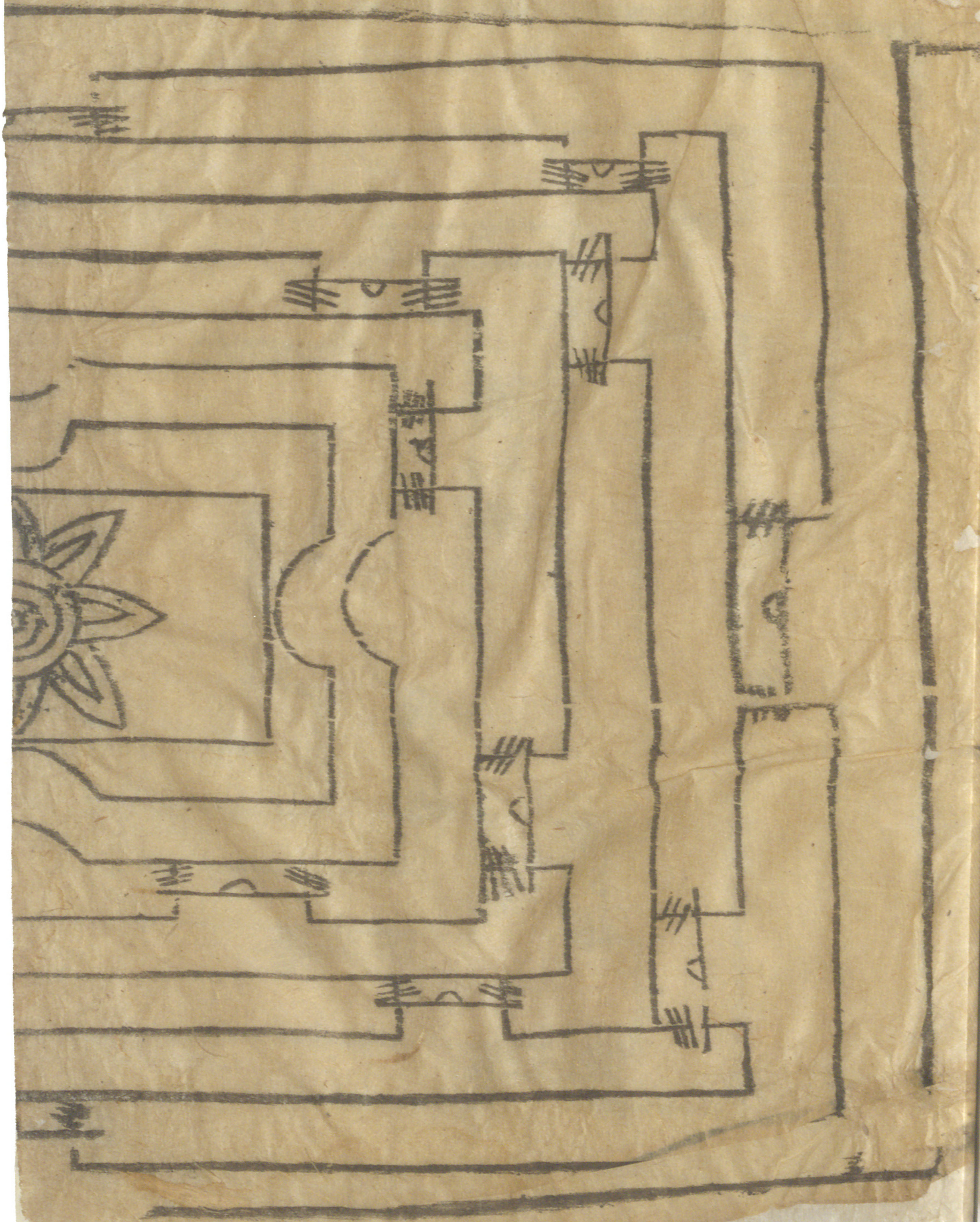
次三匣二十八坐蓮花　次四諸菩薩相坐蓮花

次五匣惡子衍會同　次六匣金童三雙蓮花

次七匣諸天聖賢衘壁埃中大佉世尊指

五個楢墻效荷見男女蓮花一百大十人

故昔日天相相公左門埃　摯月天李相公存門埃





增補毘尼呪 入寺呪 先三彈指若入寺
當願衆生 升于上堂 安住不動
唵阿蜜栗帝吽叭吒 三遍
持外珠呪
稽首皈依釋迦文 解脫有情調御主 能宣無上
法王城 成就無窮悲愍地 。浣衣呪 、
隨流洗浣莫庸八衆衣 當衣垢不中上下 翻單
薰炙久身心動念肯踊躍

南離垢地菩薩摩訶薩
季鐸呪　擲脚履蛾頭　昔日与與爲
後來成法器　功德不思議　南無釋迦牟尼文佛
漱口呪　漱口連心淨　蓮百水花香
三業恒清淨　同佛往西方
唵玉萬香玉萬香清淨光疏下　七返
看病呪　見疾病人　當願衆生
知身空寂　離乖諍法

唵室哩嗘室哩嗘拏吒利莎賀

掃寺及僧堂呪

爲盡從前立及雖依然滿地是塵埃等因和栖

都掩都紐　手昰雲花帚上開

唵捨婆捨婆除諸污穢清淨莎下

濾水呪

濾水塵須敬々須細虫迷眼可傷

情君遺謟灑羅乾死不免

依前是殺生　唵阿羅吽叭吒莎下　七変

擧木魚幷木板呪

架在樑間業障多 敲時記取念彌陀 從今忽得菩樹提 莫向人間作浪波 ◦ 炊粇呪

唵南無智慧精進莎下 印粇幷進粇呪

唵悉陀林藏都悉陀卯莎下 燃燈呪

唵三精光明薩下 三度 滅燈呪

唵滅燈亡生天倒迷天吾今滅燈哩嚩莎下 三度

繞塔寺呪 始啟繞塔 當願衆生

施行福祐　究竟道意　遶塔三匝

當願衆生　得一向意　不絶四喜

小便呪　五濁混穢却除根輕安泰然身体

無礙　唵定泥波吒摩尼莎下

外野大便呪

勅土地神祇速去不婦天地閉戶萬神不知悉

悉如律令　自太上法　李小鐘斗呪

蘊習修業委瑞僧伽大雄憐憫以號為嗟

皇覺解脫常住摩耶

南無釋迦牟尼佛　係請呪鍾讚曰

願此鍾聲朝法界鐵圍幽闇悉皆聞〻塵

清淨證圓通一切衆生成正覺文鍾聲順

憤生智惠善提生願成佛度衆生

唵伽羅帝耶娑婆訶　三遍

南無觀世音菩薩　三遍

請鼓呪

朝叅幷暮叅日々請上堂時文法鼓賢

聖集來光放邪魔外道同付慈悲居敏

堂諸仸菩薩來降下願祈國泰静安康

南無本師釋迦牟尼仸 三声

ARC HOANG 106

1. Mục liên bản hạnh 5 tờ

2 Thích thị Công định quốc ngữ tập 6 tờ

3 Công văn dịch đình bài biện

Khắc năm Vĩnh Khánh thứ 3

1731

目連本行

釋氏公定国語集

公文役庭排辨

M000907